

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HSST
Ngày: 05-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Hùng
2. Ông: Lưu Tuấn Cường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS, ngày 21/02/2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Bùi Quang N**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1998, nơi sinh: huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TM, xã TS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Bố đẻ: Bùi Văn V, sinh năm 1970; mẹ đẻ Nguyễn Thị V, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa kết hôn; có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28/6/2000, nơi sinh: huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản HN, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: không; Bố đẻ: Lò Văn S, sinh năm 1974; mẹ đẻ Lò Thị T, sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là Quàng Thị P sinh năm 2000 và 01 người con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:** Bà Nguyễn Thị B – là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Quàng Thị T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Bản XT, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2. Họ và tên: Quàng Thị Phở, sinh năm 2000, nơi cư trú: Bản HN, xã ẤC, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Họ và tên: Lường Văn Hoàng, sinh năm 1985, nơi cư trú: Bản XT, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Quang N, Lò Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 22/10/2023 Lò Văn T đến gặp Bùi Quang N đang ở tại nhà gia đình bà Quàng Thị T, sinh năm 1979, trú tại bản XT, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên đưa cho Bùi Quang N số tiền 200.000 đồng để Bùi Quang N đi mua ma túy về cả hai cùng sử dụng. Bùi Quang N cầm tiền đi nhờ một người đàn ông không quen biết đi mua hộ ma túy nhưng chưa mua được nên cả hai thống nhất Bùi Quang N trả cho Lò Văn T 100.000 đồng, còn lại 100.000 đồng Lò Văn T góp cho Bùi Quang N để mua ma túy sử dụng chung. Sau đó Bùi Quang N dùng điện thoại và số tài khoản ngân hàng của bà Quàng Thị T chuyển khoản trả 100.000 đồng cho Lò Văn T qua số tài khoản ngân hàng mang tên Quàng Thị P là vợ của Lò Văn T. Khoảng 12 giờ ngày 24/10/2023 Bùi Quang N lấy số tiền 100.000 đồng của Lò Văn T và góp thêm 200.000 đồng đi sang nhà gia đình Lường Văn H, sinh năm 1985, trú tại bản Xuân Tre 2, xã Búng Lao hỏi mua được 12 viên Methamphetamine gói bằng mảnh nilon màu hồng với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy Bùi Quang N sử dụng điện thoại và tên tài khoản Messenger của bà Quàng Thị T nhắn tin cho Lò Văn T nói là đã mua được 12 viên Methamphetamine rủ Lò Văn T xuống nhà bà Quàng Thị T để cùng sử dụng, do đang bận việc nên Lò Văn T nhắn lại cho Bùi Quang N đợi đến tối cùng ngày Lò Văn T sẽ xuống. Sau đó Bùi Quang N cầm giấu gói ma túy vừa mua được vào lòng bàn tay trái rồi trở về nhà. Hồi 13 giờ 00 phút cùng ngày, khi Bùi Quang N đang trên đường về thuộc bản Xuân Tre 2, xã Búng Lao thì gặp tổ công tác Công an xã Búng Lao đang làm nhiệm vụ yêu cầu Bùi Quang N dừng lại để kiểm tra. Qua kiểm tra tổ công tác phát hiện lòng bàn tay trái của Bùi Quang N đang cầm giấu 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa 12 viên Methamphetamine có tổng khối lượng là 1,04 gam. Tổ công tác đã lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ số ma túy của Bùi Quang N. Thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn T thì Tư cũng đã khai báo rõ toàn bộ nội dung hành vi phạm tội.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 24/10/2023 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số 1533

/KL-KTHS, ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Bùi Quang N là 1,04 gam.
- Mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Bùi Quang N gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSMA ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử các bị cáo Bùi Quang N và Lò Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

+ Xử phạt Bùi Quang N từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 10 tháng tù.

+ Xử phạt Lò Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu để tiêu hủy: 0,92 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định; 01 mảnh nilon màu hồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme, vỏ màu đen, đã qua sử dụng (*Thu giữ của bị cáo Tư*).

- Trả lại cho bà Quảng Thị T 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo A 83, màu hồng phấn, đã qua sử dụng (*Điện thoại thu giữ của bị cáo Bùi Quang N*).

Án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Quang N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lò Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Tư.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn,

đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Tư thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo Ninh thừa nhận toàn bộ hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Bùi Quang N và bị cáo Lò Văn T đã khai và công nhận: 22/10/2024 tại bản XT, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên Lò Văn T đã góp 100.000 đồng cho Bùi Quang N để mua ma túy sử dụng chung. Sau đó Bùi Quang N đã góp thêm 200.000 đồng thành 300.000 đồng mua được 12 viên Methamphetamine có khối lượng 1,04 gam, mục đích để cùng Lò Văn T sử dụng. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 08/CT-VKSMA, ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo đã góp tiền (tổng số tiền 300.000 đồng. Trong đó, của bị cáo Lò Văn T 100.000 đồng, bị cáo Bùi Quang N 200.000 đồng) cùng nhau để mua và tàng trữ trái phép 1,04 gam Methamphetamine với mục đích để cùng nhau sử dụng. Hành vi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo đủ định lượng buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Bùi Quang N và Lò Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Heroine, ...Methamphetamine ..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, bị cáo Lò Văn T là người khởi xướng góp 100.000 đồng nhờ bị cáo Bùi Quang N mua hộ ma túy về sử dụng, còn bị cáo Bùi Quang N góp thêm 200.000 đồng tổng là 300.000 đồng mua được 12 viên Methamphetamine có khối lượng 1,04 gam, các bị cáo đều là người thực hành. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Bùi Quang N được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, bị cáo học hết lớp 9/12 nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo Lò Văn T sinh ra và lớn lên tại huyện Mù Cang Lũy, học đến lớp 9/12 thì nghỉ học, lao động sản xuất cùng gia đình, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì nhu cầu xấu của bản thân các bị cáo đã cố tình phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo Lò Văn T với nghề nghiệp làm ruộng, bị cáo Bùi Quang N Lao động tự do thu nhập không ổn định, gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Lương Văn H là người mà bị cáo Bùi Quang N khai đã bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai, đối chất nhưng Lương Văn H khai báo không bán ma túy cho Bùi Quang N và ai khác. Ngoài lời khai của bị cáo Bùi Quang N không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên không đủ căn cứ xử lý.

- Đối với bà Quảng Thị T chủ sở hữu chiếc điện thoại di động, là chủ tài khoản Messenge và đứng tên tài khoản ngân hàng mà bị cáo Bùi Quang N sử dụng để nhắn tin, chuyển tiền cho bị cáo Lò văn T. Do chiếc điện thoại, tài khoản mạng xã hội Messenge và tài khoản ngân hàng bà Quảng Thị T thường xuyên cho Bùi

Quang N sử dụng và Bùi Quang N biết rõ mặt khẩu, bà Quàng Thị T không biết Bùi Quang N sử dụng điện thoại của mình nhắn tin, giao dịch, chuyển khoản liên quan đến hành vi phạm tội nên không đề cập đến vấn đề xử lý.

Đối với Quàng Thị P vợ của bị cáo Lò Văn T, chị Phở không biết Lò Văn T sử dụng tài khoản ngân hàng vào việc phạm tội. Tài khoản của chị Quàng Thị P không báo biến động số dư, thẻ ngân hàng do bị cáo sử dụng. Vì vậy, không đặt vấn đề xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện VKS về việc xử lý vật chứng của vụ án.

[8] Án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Quang N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lò Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Tư.

[10] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của các bị cáo, của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[12] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Quang N, Lò Văn T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt Bùi Quang N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 24/10/2023).

+ Xử phạt Lò Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 26/10/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu để tiêu hủy: 0,92 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định; 01 mảnh nilon màu hồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme, vỏ màu đen, đã qua sử dụng (*Thu giữ của bị cáo Tư*).

- Trả lại cho bà Quảng Thị T 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo A 83, màu hồng phấn, đã qua sử dụng (*Điện thoại thu giữ của bị cáo Bùi Quang N*).

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 02/02/2024*).

3. Án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ninh phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Tư.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người có QL&NV LQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương